

Bản án số: **148/2021/HS-ST**

Ngày: 27-7-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Nguyễn Văn Tích;

Bà Trần Thị Ngọc Kim.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 157/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn V**, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1989; nơi sinh: Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H (chết) và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1950; vợ: Bùi Thị Diễm P, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014; tiền sự: không; tiền án:

- Tại Bản án số 02/HSST ngày 07/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt Trần Văn V 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa chấp hành xong phần án phí.

- Tại Bản án số 59/2012/HSPT ngày 26/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt Trần Văn V 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa xoá án tích.

- Tại Bản án số 15/2017/HSST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Văn V 07 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2021; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn P, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở: 73/7 đường B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ P1, sinh năm 1970; nơi cư trú: 37A đường S, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

2. Anh Nguyễn Luân V1, sinh năm 1986; nơi cư trú: 9/2 đường X, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn V là đối tượng đã có 03 tiền án về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, V không có việc làm ổn định nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, V đặt mua trên mạng 01 văm phá khóa, 01 thanh chữ L tự động, 01 biển số xe 93G1 - 236... và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93G1 - 236... với mục đích để thay biển số này vào xe trộm cắp được nhằm tránh bị phát hiện trên đường đi tiêu thụ.

Ngày 06/4/2021, Trần Văn V điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh xám đen, biển số 49B1 - 708... từ tỉnh Đồng Nai lên thành phố Đ. Đến khoảng 02 giờ 00 ngày 07/4/2021, V để xe mô tô của mình ở trước quán cơm tấm trên đường H rồi bắt xe taxi đến đường C, phường B, thành phố Đ, sau đó V xuống xe đi bộ lòng vòng tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 04 giờ 00 cùng ngày, khi đi ngang nhà trọ số 73/7 đường B, phường H, thành phố Đ thì V phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Honda Winner màu đen, biển số 49L1 - 119... của anh Phạm Văn P dựng ngoài hàng rào không có ai trông coi, V đi đến dùng văm phá khóa mang theo phá khóa xe rồi nổ máy và điều khiển xe mô tô nói trên đến đường X, phường G, thành phố Đ cất giấu. Sau đó, V đi bộ đến đường H lấy xe mô tô của V rồi điều khiển đến gửi ở bãi giữ xe của bệnh viện đa khoa Lâm Đồng, sau đó V bắt taxi đến vị trí cất giấu xe trộm cắp được và thay biển số xe 93G1 - 236... chuẩn bị trước đó vào xe mới trộm cắp, còn biển số xe 49L1 - 119..., V cất vào trong balo rồi điều khiển về tỉnh Đồng Nai, khi đến huyện B, tỉnh Lâm Đồng, V bị Công an huyện B phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Tại Kết luận định giá số 76/KL-ĐG ngày 14/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe máy hiệu Honda Winner số máy KC26E1236..., số khung: 2605GY389... trị giá 30.000.000 *(ba mươi triệu)* đồng.

Tại Kết luận giám định số 561/GĐ-PC09 ngày 09/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số

016..., đề ngày 07/9/2020, tên chủ xe Nguyễn Hồng S là thật. Đối với biển kiểm soát số 93G1 - 236... không có mẫu so sánh nên không giám định được.

Bị hại anh Phạm Văn P đã nhận lại chiếc xe cùng biển số xe, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số 145/CT-VKS ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Trần Văn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà,

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ P1 trình bày chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh xám đen, biển số 49B1 - 708.... là xe của bà mua trả góp với số tiền 56.000.000 đồng và giao cho con trai là Trần Anh Nhật M làm phương tiện đi lại, sau đó anh M nói với bà là đã cầm cố chiếc xe này cho một người tên V1 nhưng không nói rõ ở đâu. Thời điểm M cầm xe thì bà vẫn còn trả góp chiếc xe thêm 9.000.000 đồng thì mới lấy bản chính giấy đăng ký xe về và đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Hiện con trai bà là anh M đang đi cai nghiện ma túy nên bà không biết rõ con cầm cố hay bán xe hay không. Nay bà P1 không yêu cầu nhận lại xe mà yêu cầu người cầm cố chiếc xe trên phải trả cho bà P1 số tiền bà trả góp xe sau khi anh M cầm xe là 9.000.000 đồng.

Bị cáo xác định chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh xám đen, biển số 49B1 - 708... bị cáo mua lại của anh Nguyễn Luân V1 với số tiền 15.000.000 đồng nhưng bị cáo mới trả cho anh V1 số tiền 10.000.000 đồng. Nay bị cáo đề nghị trả lại chiếc xe trên cho anh V1 và yêu cầu anh V1 trả lại cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn V về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 145/CT-VKS ngày 16/6/2021. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

*Về hình phạt:* đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 04 - 05 năm tù.

*Về xử lý vật chứng:* đề nghị:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh xám đen biển số 49B1 - 708..., số máy: G3D4E683..., số khung: 0610JY656..., 01 giấy đăng ký xe số 019..., biển số 49B - 708...; 01 bản photo giấy đăng ký xe biển số 49B1 - 708...; 01 biển số xe 93G1 - 236....; 01 giấy đăng ký xe máy số 016877 tên chủ xe Nguyễn Hồng S, biển số 93G1 -

236... cho cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa, 01 thanh chữ L, 02 đầu tít kim loại, 03 cây lục giác là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; 01 thẻ giữ xe không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu đen, 01 thẻ ATM, 01 giấy CMND mang tên Trần Văn V, 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, dạng phím bấm, số tiền 113.000 đồng, 01 đồng hồ hiệu NEOS là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo và bà P1 không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại anh P và người liên quan anh V1 vắng mặt không có lý do, xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Trần Văn V là đối tượng đã có 03 tiền án, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo không có việc làm ổn định, để có tiền tiêu xài, bị cáo đã mua vạm phá khóa và biển số xe mô tô rồi một mình điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh xám đen, biển số 49B1 – 708... từ tỉnh Đồng Nai lên thành phố Đ để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 04 giờ 00 ngày 07/4/2021, tại khu nhà trọ số 73/7 đường B, phường H, thành phố Đ, bị cáo V đã dùng vạm phá khóa phá ổ khóa xe và lấy trộm 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen, biển số 49L1 - 119... trị giá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng của anh Phạm Văn P rồi điều khiển xe về tỉnh Đồng Nai tiêu thụ, trên đường đi thì bị Công an huyện B, tỉnh Lâm Đồng phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Hành vi của bị cáo Trần Văn V thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và

hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo V phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có 03 tiền án về “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân để sửa chữa sai lầm của mình mà sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử bị cáo hình phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh P đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Winner màu đen, không gắn biển số, số máy: KC26E1236..., số khung: 2605GY389... và 01 biển số xe 49L1 – 119... là tài sản của bị hại bị chiếm đoạt, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho bị hại anh Phạm Văn P là đúng quy định.

- 01 vạm phá khóa, 01 thanh chữ L, 02 đầu tít kim loại, 03 cây lục giác là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 thẻ giữ xe không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 biển số xe 93G1 – 236...; 01 giấy đăng ký xe máy số 016..., biển số 93G1 – 236... tên chủ xe: Nguyễn Hồng S, sinh năm 1994, HKTT: Ấp 3 xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước, hiện anh S không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra chưa làm việc

được với anh S nên giao lại biển số xe và giấy đăng ký xe trên cho Cơ quan điều tra công an thành phố Đà Lạt để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định.

- 01 ví da màu đen bên trong có 01 thẻ ATM, 01 giấy CMND mang tên Trần Văn V, 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, dạng phím bấm, số tiền 113.000 (một trăm mười ba nghìn) đồng; 01 đồng hồ hiệu NEOS là giấy tờ và tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh xám đen biển số 49B1 – 708..., số máy: G3D4E683..., số khung: 0610JY656..., là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bà P1 và bị cáo xác định chiếc xe trên là tài sản của bà Nguyễn Thị Mỹ P1 giao cho con trai con trai là Trần Anh Nhật M sử dụng, sau đó anh M mang cầm cố cho anh Nguyễn Luân V1. Bị cáo mua lại chiếc xe này của anh V1 với số tiền 15.000.000 đồng nhưng chưa trả hết tiền nên có căn cứ xác định chiếc xe trên chưa phải là tài sản hợp pháp của bị cáo nên giao lại chiếc xe trên cùng 01 giấy đăng ký xe số 019..., biển số 49B – 708... và 01 bản photo giấy đăng ký xe biển số 49B1 - 708... cho Cơ quan điều tra công an thành phố Đà Lạt để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định. Nếu có tranh chấp về phân dân sự sẽ khởi kiện giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Văn V **04 (bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 08/4/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 vạm phá khóa, 01 thanh chữ L, 02 đầu tít kim loại, 03 cây lục giác; 01 thẻ giữ xe.

- Giao lại cho Cơ quan điều tra công an thành phố Đà Lạt 01 biển số xe 93G1 – 236...; 01 giấy đăng ký xe máy số 016..., biển số 93G1 – 236... tên chủ xe Nguyễn Hồng S; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh xám đen biển số 49B1 – 708..., số máy: G3D4E683..., số khung: 0610JY656..., 01 giấy đăng ký xe số 019..., biển số 49B - 708..., 01 bản photo giấy đăng ký xe, biển số 49B - 708.... để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn V 01 ví da màu đen bên trong có 01 thẻ ATM, 01 giấy CMND mang tên Trần Văn V, 01 điện thoại hiệu NOKIA màu đen, dạng phím bấm, 01 đồng hồ hiệu NEOS và số tiền 113.000 (một trăm mười ba nghìn) đồng.

(Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2021 và Biên lai thu tiền số AA/2017/0001637 ngày 22/6/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà

*Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).*

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người liên quan bà P1 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh P và người liên quan anh V1 vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Lê Thị Lệ Quyên**